TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 9 - 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Ngọc Minh.

2. Ông Võ Hoàng Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24/8/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thu R, sinh ngày 13/7/1987; địa chỉ: Số D, tổ A, ấp Đ, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Wee Kee M, sinh năm 1966; địa chỉ: Số E, J M, Malaysia; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 11 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Phạm Thị Thu R trình bày là vào năm 2011, do mai mối nên chị R và anh W Kee Meng quen biết nhau và ngày 13/5/2011 vợ chồng đăng ký kết hôn tại Malaysia theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số KC05 0063063. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng, chị R bị chồng ngược đãi nhưng vợ chồng vẫn sống chung. Đến năm 2015

mâu thuẫn giữa vợ chồng, giữa chị R với gia đình chồng trầm trọng, gia đình chồng đã xua đuổi chị R nên chị R đã thuê nhà trọ để ở. Năm 2016, visa của chị R hết hạn nên chị R đã về Việt Nam sinh sống đến nay. Thời gian vợ chồng ly thân, chị R có điện thoại thăm hỏi chồng con nhưng anh W Kee Meng chặn liên lạc của chị R. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị R yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị R được ly hôn anh Wee Kee M. Về con chung, vợ chồng có một con chung tên là Wee Ting T, sinh ngày 01/7/2012, hiện con chung đang sống chung với anh Wee Kee M. Khi ly hôn, chị R đồng ý để anh W Kee Meng tiếp tục nuôi con chung, chị R không đồng cấp dưỡng nuôi con chung. Ngày 18/01/2021, chị R có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về nuôi con chung. Về tài sản chung không có. Về nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Vụ án ly hôn giữa chị Phạm Thị Thu R là công dân Việt Nam và anh W Kee Meng là công dân nước ngoài (quốc tịch Malaysia) thuộc thẩm quyền chung của Tòa án Việt Nam trong giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án; tranh chấp về ly hôn mà có đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh; chị R cư trú tại xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp và anh Wee Kee M không có nơi cư trú ở Việt Nam nên Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo đơn khởi kiện của chị R là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc ly hôn này được áp dụng pháp luật Việt Nam giải quyết.

Cơ quan có thẩm quyền của Malaysia đã thực hiện ủy thác tư pháp tại Công văn số 44/TTTPDS-TA20 ngày 24/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đối với đương sự Wee Kee M và Tòa án đã nhận được kết quả thực hiện ủy thác tư pháp nhưng đương sự Wee Kee M vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự Wee Kee M là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân:

Việc kết hôn giữa chị Phạm Thị Thu R và anh Wee Kee M đã được đăng ký kết hôn tại Malaysia theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số KC05 0063063 ngày 13/5/2011 nên đã xác lập quan hệ vợ chồng.

Pháp luật hôn nhân và gia đình quy định sau khi kết hôn vợ, chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác. Tuy

nhiên trong quá trình chung sống, chị R trình bày giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, gia đình chồng không thương, chồng ngược đãi, visa chị R hết hạn nhưng anh W Kee Meng không đồng ý bảo lãnh cho chị R ở lại nên chị R đã về Việt Nam sinh sống từ năm 2016 đến nay và sau đó anh W Kee Meng chặn mọi liên lạc của chị R. Đối với anh Wee Kee M, Cơ quan có thẩm quyền của Malaysia đã thực hiện ủy thác tư pháp đối với đương sự Wee Kee M nhưng đương sự Wee Kee M không có văn bản về ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị R.

Từ những căn cứ trên, xét thấy chị R và anh W Kee Meng có vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy việc chị R yêu cầu được ly hôn anh Wee Kee M là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Tòa án chấp nhận và quyết định cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Thu R và anh Wee Kee M.

[3] Về nuôi con chung: Chị R trình bày giữa chị R và anh W Kee Meng có 01 con chung tên là Wee Ting T, sinh ngày 01/7/2012, hiện con chung đang sống chung với anh Wee Kee M. Do chị R không tranh chấp về nuôi con chung với anh W Kee Meng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản: Chị R trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị R trình bày vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

[7] Về chi phí tố tụng: Chị R phải nộp lệ phí, chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 38, khoản 4 Điều 147, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 56, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Thu R và anh Wee Kee M.

2. Về nuôi con chung: Do chị Phạm Thị Thu R không tranh chấp về nuôi con chung Wee Ting Ting, sinh ngày 01/7/2012 (con chung đang sống chung với anh W Kee Meng) nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về chia tài sản: Chị R trình bày chị R và anh W Kee Meng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị R trình bày chị R và anh W Kee Meng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị Thu R phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0006101 ngày 16/11/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

6. Về chi phí tố tụng:

6.1. Chị Phạm Thị Thu R phải nộp 400.000 đồng lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 400.000 đồng theo biên lai số 0002529 ngày 09/4/2021 số tiền 200.000 đồng và biên lai số 0004822 ngày 02/11/2021 số tiền 200.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

6.2. Chị Phạm Thị Thu R phải nộp 6.000.000 đồng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng chi phí đã nộp theo biên lai số 17231 ngày 09/4/2021 số tiền 3.000.000 đồng và biên lai số 0004557 ngày 01/12/2021 số tiền 3.000.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

7. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Thời hạn kháng cáo của chị R là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án và thời hạn kháng cáo của anh W Kee Meng là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND Tỉnh;
- Cục THADS Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TAT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (N).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Nguyễn Thị Thúy Hằng